

# GIẢI PHÁP NÀO CHO VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC

Ths. Nguyễn Văn Phúc\*

**N**gân hàng là tổ chức kinh doanh tiền tệ và thực hiện các dịch vụ ngân hàng. Sản phẩm kinh doanh của ngân hàng là tiền tệ, một loại hàng hóa đặc biệt và duy nhất, sản phẩm dịch vụ của ngân hàng dễ bắt chước, không có đảm bảo về kiểu dáng, do vậy kinh doanh tiền tệ và thực hiện các dịch vụ ngân hàng chịu sức cạnh tranh hết sức mạnh mẽ hơn bất cứ một loại hàng hóa, dịch vụ nào khác trên thị trường. Nhận thức rõ vấn đề này các ngân hàng thương mại ra sức tìm mọi biện pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm bảo đảm hoạt động của ngân hàng phát triển bền vững.

Năng lực cạnh tranh của ngân hàng là sự thích ứng của ngân hàng đối với thị trường nhằm đảm bảo sự hoạt động của ngân hàng đạt hiệu quả cao nhất, năng lực cạnh tranh của ngân hàng có thể được đánh giá trên các mặt cơ bản sau:

- Năng lực tài chính (Quy mô vốn)
- Quy mô hoạt động
- Trình độ quản lý
- Công nghệ
- Sản phẩm phù hợp

Hoạt động của các ngân hàng thương mại nhà nước trong thời gian gần đây đã đạt

được những thành tựu nhất định: quy mô vốn ngày một lớn hơn; quy mô hoạt động mở rộng. Tính đến nay thị phần tiền gửi chiếm trên 75%, thị phần tín dụng chiếm trên 80% trong toàn quốc; mạng lưới ngân hàng được trải rộng trên toàn quốc; trình độ quản lý không ngừng được nâng cao, nguồn nhân lực có trên 60% số nhân viên có trình độ từ đại học trở lên, số còn lại hầu hết có trình độ cao đẳng hoặc trung học và đã qua các lớp đào tạo về chuyên môn; mức độ hiện đại hóa công nghệ ngân hàng phát triển tương đối nhanh, so với các ngành khác thì ngành ngân hàng là một trong những ngành có trình độ công nghệ cao; các thể thức thanh toán, các dịch vụ thanh toán, hệ thống thanh toán điện tử ngày một phát triển góp phần đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thị trường hơn một cách nhanh chóng, đồng thời nâng cao chất lượng của các dịch vụ ngân hàng.

Tuy nhiên, các ngân hàng thương mại nhà nước còn có những hạn chế cơ bản cần bàn tới như sau:

**1. Năng lực tài chính còn yếu,** quy mô vốn tự có mặc dù đã được tăng nhưng so với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới còn nhỏ khoảng

800 triệu USD, chỉ chiếm khoảng 3% trong tổng nguồn vốn của các ngân hàng thương mại nhà nước. So với ngân hàng nước ngoài vốn điều lệ có hàng tỷ, hàng chục tỷ USD thì vốn tài chính của các ngân hàng thương mại nhà nước quả là con số hết sức khiêm tốn để đánh giá về năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại Nhà nước

## **2. Chất lượng hoạt động chưa cao:**

- Hoạt động huy động vốn, hoạt động thanh toán tuy có được mở rộng và chiếm thị phần lớn trên thị trường ngân hàng với các hình thức huy động ngày một đa dạng, mạng lưới ngân hàng không ngừng mở rộng, các thể thức thanh toán ngày một phong phú hơn, nhưng chất lượng của những sản phẩm dịch vụ đó chưa đem lại hiệu quả mong muốn, khách hàng còn quá phần nản về thời gian gửi, rút tiền, thời gian thanh toán và thái độ phục vụ, chăm sóc khách hàng sau mỗi nghiệp vụ. Hệ thống dịch vụ điện tử bị chia cắt giữa các ngân hàng thương mại nhà nước, thiếu tính đồng bộ, chất lượng các phương tiện thấp dẫn tới nhiều trục trặc, sai sót

*Trường Đại học Ngân hàng  
Tp. HCM (\*)*

**NỢ QUÁ HẠN/ TỔNG DƯ NỢ CHO VAY  
CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC (%)**

Năm	2001	2002	2003	2004
Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	13	10	7	7.5

trong các dịch vụ kéo dài làm nản lòng khách hàng.

- Hoạt động tín dụng: Tuy quy mô tín dụng tăng, nhưng chất lượng tín dụng có xu hướng giảm, nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại nhà nước tăng cả về số tuyệt đối và số tương đối. Theo báo cáo tổng kết qua các năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỷ lệ nợ quá hạn qua vài năm gần đây như sau:

Nợ quá hạn từ năm 2001 đến năm 2003 có xu hướng giảm từ bình quân 13% xuống còn bình quân 7%, sang năm 2004 ước nợ quá hạn có xu hướng tăng từ 7% lên 7.5%, trong đó có Ngân hàng lên tới trên 10%.

Trên thực tế các ngân hàng thương mại nhà nước cho vay các doanh nghiệp nhà nước với số dư nợ cho vay chiếm gần 80% tổng dư nợ, trong khi đó có tới trên 70% các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ thiếu khả năng thanh toán. Với tình hình đó con số 7% nợ quá hạn của năm 2003 và 7,5% ước nợ quá hạn của năm 2004 có thể phản ánh đúng thực trạng nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại nhà nước hay chỉ là “phần nổi của tảng băng”?

**3. Các ngân hàng chưa phát huy được trình độ quản**

**lý của nguồn nhân lực trong ngân hàng**, mặc dù có lực lượng nguồn nhân lực có trình độ quản lý cao, được đào tạo một cách bài bản, chính quy tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong và ngoài nước, nhưng các ngân hàng thương mại nhà nước đã không sử dụng tốt nguồn nhân lực có trình độ cao trong công tác quản lý và nghiệp vụ do cơ chế quản lý chưa phù hợp của Nhà nước nói chung và của ngân hàng thương mại nhà nước nói riêng, dần đã làm nguồn nhân lực có trình độ cao ở các ngân hàng thương mại nhà nước “chảy” sang các ngành khác hoặc các ngân hàng thương mại ngoài nhà nước.

**4. Tính cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng chưa cao.** Do ra đời và hoạt động sớm hơn so với các loại hình ngân hàng khác mà ngân hàng thương mại nhà nước đã có điều kiện chiếm thị phần lớn trên thị trường, được sự “bao bọc” to lớn của Nhà nước, có đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ cao, có lẽ cũng vì vậy mà các ngân hàng thương mại Nhà nước thiếu tính chủ động linh hoạt, sáng tạo, còn ỷ lại, dựa dẫm, quan liêu gây rất nhiều cản trở cho hoạt động của ngân hàng, việc sử dụng cơ sở vật chất

kém hiệu quả cũng bởi chính cung cách quản lý và thiếu đổi mới tư duy dẫn tới các ngân hàng thương mại nhà nước chưa dám đối mặt với thử thách cạnh tranh khắc nghiệt của kinh tế thị trường.

Hội nhập quốc tế là xu hướng tất yếu của sự phát triển, trên lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng chúng ta đã và đang hội nhập quốc tế. Để hội nhập và đứng vững khi hội nhập cần thiết phải xây dựng, củng cố, tái lập các ngân hàng mạnh có đủ năng lực cạnh tranh đối với thị trường trong nước, khu vực và quốc tế. Muốn vậy, Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại nhà nước cần thực hiện một số giải pháp sau:

■ Củng cố một cách toàn diện các Ngân hàng thương mại Nhà nước, đặc biệt chú trọng rà soát, bố trí nguồn nhân lực cũng như cung cách và thái độ phục vụ của nhân viên trên cơ sở tiêu chuẩn hoá.

■ Mở đợt thanh tra, kiểm tra đối với các ngân hàng thương mại Nhà nước, trên cơ sở đó nghiên cứu đánh giá một cách trung thực, chính xác về chất lượng hoạt động để tìm ra các nguyên nhân của sự yếu kém và đề ra các biện pháp nhằm từng bước khắc phục, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của ngân hàng thương mại nhà nước. Thanh tra, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước đối với ngân hàng thương mại và thanh tra kiểm tra của bản thân các ngân hàng thương mại là công việc thường xuyên.

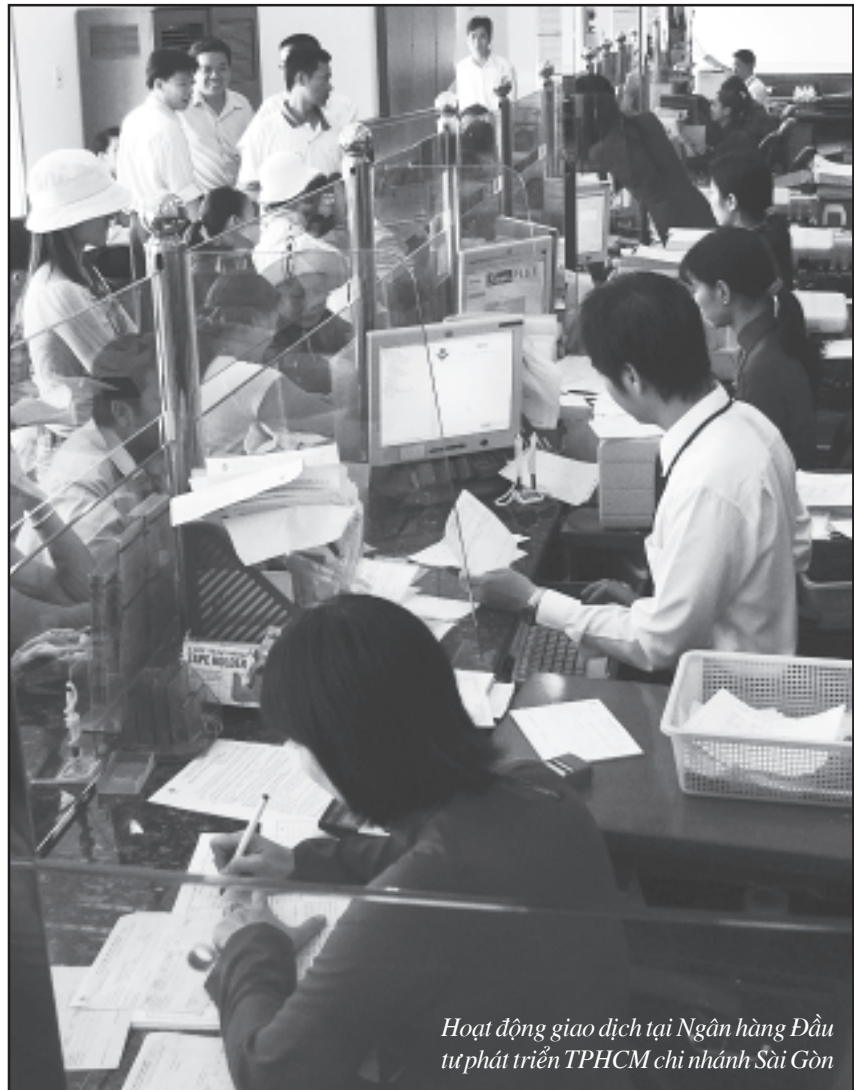
■ Trong điều kiện hiện nay nên nghiên cứu sáp nhập các Ngân hàng thương mại nhà nước để tạo ra ngân hàng có vốn lớn tránh được sự manh mún, chia cắt và tạo ra sự thống nhất trong sử dụng hệ thống điện tử trong mọi hoạt động của ngân hàng. Việc cổ phần hoá ngân hàng thương mại nhà nước cũng nên xem xét thật kỹ lưỡng bởi vì: các ngân hàng thương mại nhà nước mặc dù hiện đang được đánh giá có những tiến bộ nhưng còn yếu kém nhiều mặt và thể hiện bao trùm là chất lượng và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại nhà nước chưa cao. Nếu cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước lúc này thì phải chăng Nhà nước đã tung ra thị trường một “sản phẩm xấu” để “trút” cho xã hội, mà trực tiếp là các cổ đông phải gánh chịu khi mua phải sản phẩm này? Thực tế cho thấy hiện có nhiều ngân hàng thương mại cổ phần đang hoạt động, nhưng số ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động có chất lượng, năng lực cạnh tranh cao chỉ đếm trên đầu ngón tay. Đến nay tại Việt Nam chưa tiến hành cổ phần hoá một Ngân hàng Nhà nước nào và chưa thể rút ra được kinh nghiệm trong quá trình cổ phần hoá ngân hàng, nhưng qua việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước như đã tiến hành thì việc đánh giá tài sản không chính xác, nhiều doanh nghiệp được cổ phần hoá bị “gò ép” thành một doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt để rồi tung ra thị trường các “sản phẩm xấu, kém chất lượng”, số liệu thống kê sau khi cổ phần hoá cho đến nay cho thấy chỉ có khoảng 20% doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả vì bản

thân các doanh nghiệp này trước cổ phần hoá là những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và tình hình tài chính tốt, còn lại 80% các doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá lâm vào tình trạng phải chống chọi với tình hình tài chính xấu, nhất là các khoản nợ nần để lại. Một ngân hàng thương mại nhà nước được cổ phần hoá trong tình trạng còn yếu kém nhiều mặt, năng lực cạnh tranh còn thấp liệu có thể hoạt động tốt, có hiệu quả hay không?

■ Sau khi đã hình thành nên được các ngân hàng thương mại nhà nước có đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường lúc đó tiến hành cổ phần hoá. Khi tiến hành cổ

phần hoá phải có bước đi thích hợp, vững chắc, đặc biệt là khâu đánh giá giá trị tài sản của ngân hàng, có như vậy ngân hàng sau khi cổ phần hoá mới hoạt động có hiệu quả hơn, sức cạnh tranh mạnh mẽ hơn, chất lượng hoạt động sẽ cao hơn, tránh được các tổn thất to lớn có thể xảy ra bởi sự lan toả mạnh mẽ khi một Ngân hàng Nhà nước sau cổ phần hoá bị phá sản.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại nhà nước để phát huy hiệu quả hoạt động, từng bước hội nhập quốc tế trong tình hình hiện nay là cần thiết và phải làm ngay, làm quyết liệt. ■



*Hoạt động giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư phát triển TPHCM chi nhánh Sài Gòn*